

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 171/2020/DS-PT

Ngày: 09/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Cùng các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Lê Minh Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát
viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLPT-DS ngày 23/4/2020 về tranh
chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án
nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2020/QĐ-PT ngày
20/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn SX (Cty SX).

Địa chỉ: Cụm dốc 47, xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H, sinh năm 1959.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: số 65B7, khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Văn
bản ủy quyền ngày 18/7/2019)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

Trú tại: số 368/3 ấp 3, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2019)

Trú tại: số 368/3 ấp 3, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1985

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoài Th: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng trú tại: số 368/3 ấp 3, xã SĐ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018)

3/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968

Trú tại: số 368/3 ấp 3, xã SĐ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông D có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 13/12/2019.

- *Người làm chứng do nguyên đơn triệu tập:* Anh Phạm Hữu Ng, sinh năm 1983;

Trú tại: Số 309A-3 ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/8/2018, Cty SX khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho công ty số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ là 225.344.382 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 1%/tháng tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày xét xử. Người đại diện theo ủy quyền của công ty là bà Đinh Thị Bé M trình bày: Vào ngày 14/4/2017 Cty SX có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với bà Nguyễn Thị H, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, việc mua bán không lập thành hợp đồng. Bà H xin làm đại lý của công ty, công ty đồng ý và lập cho bà H một mã code để quản lý việc giao nhận hàng, sau khi là đại lý của công ty thì bà H yêu cầu công ty tạo thêm 1 mã code nữa và lấy tên con của bà H là Nguyễn Hoài Th làm đại lý, người giao dịch của đại lý Hoài Th là bà H, đại lý mang tên bà H thì không còn hoạt động, việc giao dịch giữa đại lý Hoài Th bằng hình thức điện thoại, bà H trực tiếp gọi điện thoại lên công ty để yêu cầu mua thức ăn, công ty báo giá cho bà H, bà H chuyển tiền tiền vào tài khoản của công ty qua số tài khoản 14010000209339 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, những người chuyển khoản là bà H, ông L, Hoài Th, KC (vợ Hoài Th). Sau khi nhận tiền, công ty giao thức ăn theo số lượng, yêu cầu, địa chỉ của bà H cung cấp. Khi nhận hàng, người nhận cầm ghi vào giấy cho tài xế là “Đã nhận hàng”, còn tiền do bà H thu.

Trong quá trình làm ăn, bà H còn nợ của công ty số tiền 225.344.382 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/7/2017. Do đó công ty khởi kiện yêu cầu bà H liên đới cùng chồng là ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền trên và tính lãi từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2018 là 22.534.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: ông và bà H là vợ chồng hợp pháp, Hoài Th là con ruột của ông bà, ông cho rằng bà H không có làm đại lý hay hợp đồng mua bán thức ăn với Cty SX. Bà H cho ông Nguyễn Văn D vay tiền và thấy ông D có hợp đồng kinh tế với Cty SX, từ đó bà H chuyển khoản tiền vay của ông D cho công ty cho ông D. Ông D là người điều xe chở, nhận, bán thức ăn và nhận tiền của người mua và ông D trả tiền cho bà H cùng lãi suất 1%/số tiền mà ông D trả cho công ty. Do ông D còn nợ công ty nên ông D yêu cầu bà H lấy tên Hoài Th chuyển tiền cho công ty. Số tiền theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/5/2017 là do ông Nguyễn Văn D nợ của công ty, bà H không nợ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của công ty.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 01/2020/DS-ST ngày 13/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ Điều 370, 430 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX về việc buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L cùng liên đới trả cho công ty số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 247.878.382đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền vốn là 225.344.382đ, tiền lãi là 22.534.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/01/2020 nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn SX do bà Đinh Thị Bé M đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm, buộc bà H và ông L cùng liên đới trả cho công ty số tiền nợ thức ăn là 225.344.382 đồng và yêu cầu trả lãi suất từ ngày 27/7/2017 cho đến ngày 27/7/2018, lãi suất 10%/năm là 22.534.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Cty SX là bà Đinh Thị Bé M làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung tranh chấp và xét kháng cáo của nguyên đơn:

Nhận thấy, Cty SX và bà Nguyễn Thị H có hợp đồng mua bán thức ăn nhưng không có lập thành văn bản, hai bên giao dịch mua bán với nhau bằng hình thức điện thoại đặt hàng và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Chứng cứ để chứng minh việc giao dịch giữa công ty và bà H là các bảng sao kê tài khoản của công ty tại Ngân hàng TMCP BIDV vào các ngày 14/4/2017, 18/4/2017, 09/5/2017, 07/6/2017, 26/6/2017, 29/6/2017 tất cả các ngày giao dịch này có thể hiện nội dung chuyển tiền cám cho công ty. Bà H cho rằng, bà không có mua bán thức ăn với công ty, việc bà chuyển tiền cho công ty là do bà cho ông D vay tiền, việc bà lấy tên Hoài Th là do số tiền bà cho ông D mượn được huy động từ nhiều nguồn tiền nên lấy tên Hoài Th để bà dễ thanh toán lại cho những chủ của nguồn tiền.

Ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2019 ông D thừa nhận ông là người nhận thức ăn của công ty, bà H là người bỏ tiền ra trả cho công ty. Sau khi bán xong chuyển hàng đã nhận về thì ông D trả cho bà H tiền vốn gốc và tiền lãi trên từng bao cám. Toàn bộ số lượng cám từ tháng 4 đến tháng 7/2017 là do ông D nhận từ công ty và số tiền 225.344.382 đồng công ty SX khởi kiện bà H đó là số tiền ông nợ của công ty chứ không phải của bà H nợ.

Những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/7/2017; Phiếu thu ngày 23/11/2016, 02/12/2016, 19/10/2016, 10/12/2016, 27/10/2016, 29/11/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn; Sao kê tài khoản của Công ty SX; Lệnh giao hàng; Sổ giao nhận thức ăn; Bản kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư. Các chứng cứ này đều thể hiện việc bà H ký nhận công nợ và nhiều lần bà H hoặc chồng, con của bà H chuyển tiền cho công ty. Nên có căn cứ xác định giữa công ty SX và bà H có hợp đồng mua bán thức ăn với nhau. Trong quá trình giao dịch mua bán thức ăn với công ty SX thì giữa bà H và ông Nguyễn Văn D có thỏa thuận việc ông D đặt cám của Cty SX và bà H sẽ là người chuyển trả tiền để hưởng hoa hồng. Số tiền bà H còn nợ của công ty theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/7/2017 do Cty SX cung cấp thì số tiền 225.344.382 đồng bà H ký xác nhận vào bản đối chiếu, ông Nguyễn Văn D ký với tư cách

người nhận cầm và ông D đồng ý trả số tiền này cho công ty mỗi tuần 5.000.000 đồng.

Như vậy, giữa bà H và ông D đã có sự chuyển giao nghĩa vụ trả tiền cho công ty vào ngày 27/7/2017 và sự chuyển giao nghĩa vụ từ bà H sang cho ông D cũng đã được ông Nguyễn Thanh Tùng đại diện Cty SX đồng ý và ký xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/7/2017. Sau khi đối chiếu công nợ thì công ty cũng không có ý kiến gì, do ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên công ty mới khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận do ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà H nên Công ty mới khởi kiện bà H.

Do đó, số tiền 225.344.382 đồng là do ông D đã nhận chuyển giao từ bà H và còn nợ của Cty SX nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Cty SX về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho công ty số tiền trên là có căn cứ. Trong vụ án này, nguyên đơn không yêu cầu ông D trả nên không xem xét buộc ông D trả cho công ty số tiền 225.344.382 đồng. Nếu Cty SX có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty SX, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn SX phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, 309, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX do bà Đinh Thị Bé M đại diện theo ủy quyền, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ Điều 370, 430 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX về việc buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L cùng liên đới trả cho công ty số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 247.878.382đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền vốn là 225.344.382đ, tiền lãi là 22.534.000đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.393.900đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.197.000 đồng theo biên lai thu số 0019519 ngày 30/8/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, công ty còn phải nộp số tiền chênh lệch là 6.196.900đ (Sáu triệu một trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn SX phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí (do bà Đinh Thị Bé M đã nộp thay) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008806 ngày 21/01/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng

